

Thới Lai, ngày 26 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp ĐA, xã ĐB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp ĐA, xã ĐB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị S

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn T thống nhất ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm H, nữ, sinh năm 1998; Trần Văn D, nam, sinh năm 2003. Tất cả đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung:

- Ông Trần Văn T được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 363, diện tích đo đạc thực tế là 5225,0m² (có 40,8m² đường GTNT), loại đất LUC, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp ĐH (nay là ấp ĐA), xã DB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, tại vị trí A của Trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị T được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 363, diện tích đo đạc thực tế là 5225,0m² (có 40,6m² đường GTNT), loại đất LUC, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp ĐH (nay là ấp ĐA), xã DB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, tại vị trí B của Trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị T được quyền sở hữu căn nhà, vật kiến trúc trên phần đất thuộc thửa 363, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp ĐH (nay là ấp ĐA), xã DB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, tại vị trí B của Trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, gồm:

+ Nhà chính: Diện tích 133,1m²; Nền gạch men, vách xây gạch, mặt trong vách ốp gạch men cao 1,3m, mặt ngoài vách ốp gạch men cao 3,3m, cột bê tông cốt thép có cừ, mái tole, trần xốp.

+ Mái che bên trái: Diện tích 39,9m²; Khung tiền chế, nền gạch men, mái tole, không vách.

+ Nhà phụ: Diện tích 36,75m²; Nền láng bê tông, khung gỗ tạp, vách tole, mái tole.

+ Mái che trước: Diện tích 27m²; Nền láng vỉa hè, khung tiền chế, mái tole, không vách.

- Bà Trần Thị T có trách nhiệm hoàn trả ½ giá trị căn nhà, vật kiến trúc cho ông Trần Văn T là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Về thời gian, phương thức hoàn trả, các bên thống nhất thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan chuyên môn để thực hiện việc tách quyền sử dụng đất theo quy định. Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm

quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo vị trí và diện tích cụ thể theo bản trích đo địa chính trên cơ sở yêu cầu của đương sự.

2.4. Về nợ chung:

Ông Trần Văn T, bà Trần Thị T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị S 2,5 chỉ vàng 24K. Về thời gian, phương thức trả, các bên thống nhất thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

2.5. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Văn T, bà Trần Thị T mỗi người phải chịu 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) nên ông Trần Văn T có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị T 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tại giai đoạn thi hành án.

2.6. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T có đơn xin giảm án phí và thuộc trường hợp được giảm án phí nên bà Trần Thị T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn và 9.899.000 đồng (*Chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Bà Trần Thị T được khấu trừ 23.400.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005415 ngày 11/10/2023 nên bà T được nhận lại 13.426.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trần Văn T có đơn xin giảm án phí và thuộc trường hợp được giảm án phí nên ông Trần Văn T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn và 9.899.000 đồng (*Chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí chia tài sản chung, nợ chung. Ông Trần Văn T được khấu trừ 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007303 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên ông T phải nộp thêm 9.602.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Thới Lai;
- Chi cục THA huyện Thới Lai;
- UBND xã ĐB;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Nguyễn Minh Trí

